

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TỰ ĐỘNG THỦ HƯỞNG

Mẫu số 09

Kèm theo Giấy rút dư toàn/Ủy nhiệm chi số: RDT2025/158/16 ngày 01 tháng 10 năm 2025
và Giấy rút dư toán số: RDT2025/ ngày tháng năm 2025

Mã hiệu:
Số:

Tài khoản dự toán

Tài khoản tiền gửi:

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiêu La
- Mã đơn vị: 1009977
- Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 8670 034 642, mở tại NH BIDV CN Quảng Nam

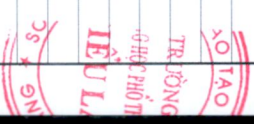
(Đơn vị: Đồng)

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I. Đối với công chức, viên chức				1.043.404.215	1.039.894.215	0	0	0	3.510.000	0	0	
1	Bùi Cao Vân	8800044099	BIDV CN Quảng Nam	19.757.863	19.035.863			702.000				
2	Nguyễn Tân Lương	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	20.322.461	19.620.461			702.000				
3	Nguyễn Việt Trung	8843386877	BIDV CN Quảng Nam	18.843.746	18.141.746			702.000				
4	Lê Văn Đức	8863386878	BIDV CN Quảng Nam	18.292.511	18.292.511							
5	Liên Thị Thu	8883386879	BIDV CN Quảng Nam	16.263.735	16.263.735							
6	Phan Thị Tinh	8863386880	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
7	Võ Thị Thủy Nga	8893386881	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772							
8	Nguyễn Thị Dương	8813386882	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
9	Phạm Thị Bích Nga	8833386883	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
10	Nguyễn Thị Toàn	8863386884	BIDV CN Quảng Nam	13.862.902	13.862.902							
11	Nguyễn Thị Vân	8883386885	BIDV CN Quảng Nam	15.144.962	15.144.962							
12	Nguyễn Hữu Phúc	8833386887	BIDV CN Quảng Nam	12.410.676	12.410.676							
13	Hồ Trần Thị Bảo Chuyên	8844078483	BIDV CN Quảng Nam	11.460.880	11.460.880							
14	Ngô Thị Lành	8873386889	BIDV CN Quảng Nam	15.047.879	15.047.879							
15	Cao Thị Cúc	5625592359	BIDV CN Quảng Nam	18.136.673	18.136.673							
16	Trần Ngọc Nhỏ	8853386890	BIDV CN Quảng Nam	9.939.341	9.939.341							
17	Nông Thị Oanh	8883386891	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
18	Nguyễn Thị Thanh Cúc	8803386892	BIDV CN Quảng Nam	18.624.499	18.624.499							
19	Trương Thị Hương	8823386893	BIDV CN Quảng Nam	16.560.639	16.560.639							
20	Nguyễn Thị Thu Hà	8853386894	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
21	Nguyễn Việt Quang	8800048099	BIDV CN Quảng Nam	14.278.150	14.278.150							
22	Huyền Văn Chung	8873386895	BIDV CN Quảng Nam	17.794.530	17.794.530							
23	Nguyễn Thị Nga	8893386896	BIDV CN Quảng Nam	13.772.009	13.772.009							
24	Nguyễn Văn Thông	8875586426	BIDV CN Quảng Nam	17.495.741	17.495.741							
25	Nguyễn Văn Phú	8843386898	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
26	Phan Thị Phú	8863386899	BIDV CN Quảng Nam	16.350.371	16.350.371							
27	Nguyễn Tiến Vinh	8813386900	BIDV CN Quảng Nam									

Handwritten signature



TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng		
28	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	8843386901	BIDV CN Quảng Nam	12.525.552	12.525.552								
29	Nguyễn Đức Hiền	8863386902	BIDV CN Quảng Nam	15.144.962	15.144.962								
30	Hồ Thị Hoài Hương	8883386903	BIDV CN Quảng Nam	15.731.532	15.731.532								
31	Mai Thị Trúc Hà	8842927965	BIDV CN Quảng Nam	12.274.236	12.274.236								
32	Hồ Thị Thu Thủy	8813386904	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772								
33	Đinh Văn Tú	8833386905	BIDV CN Quảng Nam	15.363.456	14.661.456				702.000				
34	Trương Minh Hà	8803341317	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017								
35	Nguyễn Thông	8853386906	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975								
36	Hoàng Thị Kim Thi	8883386907	BIDV CN Quảng Nam	12.525.552	12.525.552								
37	Nguyễn Thùy Diệu Anh	8803386908	BIDV CN Quảng Nam	7.128.342	7.128.342								
38	Đỗ Quốc Thiên Trang	8823386909	BIDV CN Quảng Nam	9.394.164	9.394.164								
39	Vân Thị Bé	8803386910	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772								
40	Phan Thị May	8833386911	BIDV CN Quảng Nam	18.292.511	18.292.511								
41	Trương Thị Hồng Minh	8853386912	BIDV CN Quảng Nam	16.560.639	16.560.639								
42	Tần Thị Thu Thảo	8873386913	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264								
43	Đoàn Thị Kim Hoa	8803386914	BIDV CN Quảng Nam	12.190.464	12.190.464								
44	Nguyễn Ngọc Đình	8823386915	BIDV CN Quảng Nam	12.441.780	12.441.780								
45	Phan Châu Niêm	8843386916	BIDV CN Quảng Nam	20.376.310	20.376.310								
46	Hồ Xuân Sơn	8833333793	BIDV CN Quảng Nam	15.731.532	15.731.532								
47	Vương Chí Sĩ	8873386917	BIDV CN Quảng Nam	16.560.639	16.560.639								
48	Nguyễn Tuy	8893386918	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975								
49	Phan Thị Lê Mỹ	8813386919	BIDV CN Quảng Nam	12.358.008	12.358.008								
50	Nguyễn Phúc Hương	8893386920	BIDV CN Quảng Nam	20.250.776	20.250.776								
51	Phan Văn Nghĩa	8843386922	BIDV CN Quảng Nam	15.633.821	15.633.821								
52	Đoàn Thị Phương	8863386923	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264								
53	Tần Thị Ngọc Phương	5621023680	BIDV CN Quảng Nam	13.862.902	13.862.902								
54	Đỗ Thị Thuận	8893386924	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975								
55	Dương Thị Như Trang	8813386925	BIDV CN Quảng Nam	12.494.238	12.494.238								
56	Lê Hồng Sa	8833386926	BIDV CN Quảng Nam	12.410.676	12.410.676								
57	Nguyễn Thị Thanh	8863386927	BIDV CN Quảng Nam	9.350.874	9.350.874								
58	Phan Thị Thanh Vân	8883386928	BIDV CN Quảng Nam	12.410.676	12.410.676								
59	Nguyễn Xuân Tinh	8803386929	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926								
60	Dương Hồng Hải	8883386930	BIDV CN Quảng Nam	12.734.520	12.734.520								
61	Nguyễn Thị Xuân Đào	8813386931	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264								
62	Trần Thị Phương Duyên	8833386932	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	17.164.632				702.000				
63	Dương Thị Ngọc Hà	8853386933	BIDV CN Quảng Nam	17.866.632	15.145.264								
64	Phạm Thị Sen	8883386934	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264								
65	Phạm Thị Xuân Hiếu	8803386935	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017								
66	Bùi Quốc Công	8823386936	BIDV CN Quảng Nam	16.838.928	16.838.928								
67	Châu Thị Hiền	8853386937	BIDV CN Quảng Nam	16.428.681	16.428.681								
68	Nguyễn Thị Ngọc Phẩm	8873386938	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264								
69	Dương Quốc Huy	8807445999	BIDV CN Quảng Nam	9.113.832	9.113.832								
70	Lê Thị Linh	8893386939	BIDV CN Quảng Nam	4.900.662	4.900.662								
71	Trần Thị Bích Thảo	8873386940	BIDV CN Quảng Nam	8.367.138	8.367.138								



 XÓA TẠO
 TRƯỞNG
 01/01/2024
 IÊU L.

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	

Số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ, bốn mươi ba triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn, hai trăm mười lăm đồng chẵn
 II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: 121.133 đồng

TT	Họ tên	Số tiền	Phần tăng	Họ tên	Phần giảm	Số tiền
1	Bùi Cao Vân	121.133	Tăng PCTN NG 1%			
	Cộng	121.133		Cộng		-

Người lập

Dương Quốc Huy

Kế toán trưởng

Dương Quốc Huy

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thăng Bình ngày 04 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Cao Vân

ngày tháng năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
 được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

